

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam và Trung Quốc đang trong quá trình thực hiện công cuộc cải cách toàn diện nền kinh tế, chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (ở Việt Nam) và kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc (ở Trung Quốc); thực hiện chính sách mở cửa với nhiều đặc điểm phát triển và vấn đề tương tự nhau; đang trong giai đoạn phát triển thị trường, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý. Với lợi thế là nước tiến hành cải cách sau, Việt Nam có cơ hội để học tập và tận dụng những bài học thành công cũng như không thành công của Trung Quốc, tránh những tác động tiêu cực có thể nảy sinh trong quá trình chuyển đổi.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đề cập đến bốn vấn đề chủ yếu:

- (i) Những nét cơ bản về Cộng hoà chủ nhân dân Trung Hoa;
- (ii) Kinh tế Trung Quốc qua các giai đoạn phát triển;
- (iii) Những thành tựu và hạn chế của kinh tế Trung Quốc sau 30 năm cải cách mở cửa;
- (iv) Những bài học từ cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đối với Việt Nam.

Với những thông tin, đánh giá được trình bày trong bài viết, nhóm thảo luận chúng tôi hy vọng sẽ giúp cho các bạn sinh viên cũng như những người quan tâm khác hiểu biết đầy đủ hơn về những chính sách quan trọng tạo nên sự thành công của công cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc trong tương quan so sánh với Việt Nam. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích cho mỗi cá nhân để tiếp tục tham gia đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

CHƯƠNG I: MỘT VÀI NÉT CƠ BẢN VỀ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN TRUNG HOA

1.1. VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ:

Trung Quốc nằm ở phía đông Châu Á, bờ tây Thái Bình Dương, có diện tích lãnh thổ rộng lớn với 9,6 triệu km², là nước có diện tích lớn thứ ba trên thế giới, chỉ sau Nga và Canada.

Biên giới đất liền của Trung Quốc dài hơn 20000 km, phía đông giáp Triều Tiên, phía đông bắc giáp Nga, phía bắc giáp Mông Cổ, phía tây bắc giáp Nga, Kazacxtan, phía tây giáp Kyrgyzstan, Tajikistan, Afganistan, Pakistan, phía tây nam giáp Ấn Độ, Nepal, Butan, phía nam giáp Myanmar, Lào và Việt Nam. Đông và đông nam trông ra biển. Trung Quốc có đường bờ biển dài, bằng phẳng, có nhiều hải cảng đẹp, phần lớn quanh năm không đóng băng. Phía bên kia bờ biển là các nước láng giềng: Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Brunei, Malaysia và Indônêxia.

1.2. VỀ DÂN SỐ:

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất trên thế giới, hiện có tổng số dân 1,28453 tỷ người (tính đến 12/2002, không bao gồm Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan). Trong đó số dân ở thành thị là 502,12 triệu, số dân nông thôn là 782,41 triệu.

Trung Quốc là một nước đa dân tộc thống nhất, có 56 dân tộc. Trong đó người Hán nhiều nhất, chiếm khoảng 92% dân số cả nước, dân tộc Choang có hơn 15 triệu người, tiếp sau là Mãn, Hồi, Duy Ngô Nhĩ, Di, Thổ Gia, Mông Cổ, Tạng, Bố Y, Dao, Triều Tiên, Bạch, Hà Nhì, Ca-dắc, Lê, và Thái, dân số đều lớn hơn một triệu. Những dân tộc ít người nhất chỉ có vài nghìn người như dân tộc Ngạc Luân Xuân và Ngạc Ôn Khắc.

Sự phân bố của các dân tộc Trung Hoa có đặc điểm là vừa tập trung vừa phân tán, vừa có khuynh hướng sống pha tạp, vừa có khuynh hướng sống tụ họp thành nhóm nhỏ, đan xen phân bố. Người Hán phân bố ở khắp nơi trên đất nước, chủ yếu tập trung ở lưu vực 3 con sông lớn là Hoàng Hà, Trường Giang, Châu Giang và đồng bằng Tùng Liêu, còn lại là phân tán ở các địa phương, sống chung với các dân tộc khác.

Các dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung ở vùng đông bắc, tây bắc và khu vực biên giới phía tây nam, còn lại là phân bố rải rác ở khắp nơi trong cả nước. Người Hán và các dân tộc thiểu số vừa cư trú một cách tập trung vừa cư trú tương đối pha tạp, đã xúc tiến sự giao lưu

văn hoá và học tập lẫn nhau giữa các dân tộc, hình thành nên một mối quan hệ tương hỗ mật thiết không thể tách rời.

Hiến pháp Trung Quốc quy định: Tất cả các dân tộc nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đều bình đẳng, tất cả các dân tộc đều là anh em thân mật trong một đại gia đình thống nhất.

1.3. VỀ CHÍNH TRỊ:

Theo hiến pháp Trung Quốc, nước CHND Trung Hoa là một nước Xã hội Chủ nghĩa của nền chuyên chính nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Lấy liên minh công nông làm nền tảng. Chế độ Xã hội chủ nghĩa là chế độ cơ bản của Trung Quốc. Chuyên chính nhân dân là thể chế của nhà nước.

Cơ cấu Nhà nước bao gồm Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc Hội), Chủ tịch nước, Quốc Vụ viện, Ủy ban Chính trị Hiệp thương toàn quốc (gọi tắt là Chính Hiệp, tương tự Mặt trận tổ quốc của ta), Ủy ban Quân sự Trung ương, Đại hội Đại biểu Nhân dân và Chính phủ các cấp ở địa phương, Toà án Nhân dân và Viện Kiểm sát Nhân dân.

Đảng cầm quyền: Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập ngày 1-7-1921, hiện có hơn 60 triệu Đảng viên. Bộ Chính trị có 25 người, trong đó có 9 Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng có 8 người. Ngoài Đảng Cộng sản Trung Quốc, còn có 8 đảng phái khác nhau đều thừa nhận sự lãnh đạo của ĐCS trong khuôn khổ mà Trung Quốc gọi là "Hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS": Hội Cách mạng dân chủ, Liên minh dân chủ, Hội kiến quốc dân chủ, Hội xúc tiến dân chủ, Đảng dân chủ nông công, Đảng Chí công, Cứu tam học xã và Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan.

1.4. VỀ LỊCH SỬ:

Triều đại đầu tiên tồn tại là nhà Thương, định cư dọc theo lưu vực sông Hoàng Hà, vào khoảng thế kỷ 18 đến thế kỷ 12 TCN. Nhà Thương bị nhà Chu chiếm (thế kỷ 12 đến thế kỷ 5 TCN), đến lượt nhà Chu lại bị yếu dần do mất quyền cai quản các lãnh thổ nhỏ hơn cho các lãnh chúa; cuối cùng, vào thời Xuân Thu, nhiều quốc gia độc lập đã trỗi dậy và liên tiếp giao chiến, và chỉ coi nước Chu là trung tâm quyền lực trên danh nghĩa. Cuối cùng Tần Thủy Hoàng đã thôn tính tất cả các quốc gia và tự xưng là hoàng đế vào năm 221 TCN, lập ra nhà Tần, quốc gia Trung Quốc thống nhất về thể chế chính trị, chữ viết và có một ngôn ngữ chính thống đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Trước khi nhà Tần thống nhất vào năm 221 TCN, "Trung Quốc" chưa hề tồn tại như một thực thể gắn kết. Văn minh Trung Quốc hình thành từ nhiều văn minh các nước khác nhau, các nước này do các vương (王), công (公), hầu (侯),

hay bá (伯) trị vì. Mặc dù vẫn có một ông vua nhà Chu nắm giữ quyền lực trung ương trên danh nghĩa, và chủ nghĩa bá quyền đôi lúc có ảnh hưởng nhất định, trên thực tế mỗi nước là một thực thể chính trị độc lập. Đây cũng là thời điểm mà triết lý Nho giáo cũng như tư tưởng của các triết gia khác có ảnh hưởng đáng kể đến tư tưởng chính trị - triết lý Trung Quốc.

Sau khi nhà Tần thống nhất Trung Quốc, khi đó người đứng đầu Trung Quốc được gọi là hoàng đế và một hệ thống hành chính trung ương tập quyền quan liêu được thiết lập. Sau khi nhà Tần sụp đổ, Trung Quốc lại có khoảng 13 triều đại khác nhau tiếp tục hệ thống các vương quốc, công quốc, hầu quốc, và bá quốc. Lãnh thổ Trung Quốc khi đó mở rộng hoặc thu hẹp theo sức mạnh của mỗi triều đại. Hoàng đế nắm quyền lực tối thượng, toàn năng và là người đứng đầu về chính trị và tôn giáo của Trung Quốc. Hoàng đế cũng thường tham khảo ý kiến các quan văn võ, đặc biệt là quan đại thần. Quyền lực chính trị đôi khi rơi vào tay các quan lại cao cấp, hoạn quan, hay họ hàng hoàng đế. Tuy nhiên, triều đại này không tồn tại lâu do nó quá độc đoán và tàn bạo.

Sau khi nhà Tần sụp đổ vào năm 207 TCN thì đến thời nhà Hán kéo dài đến năm 220 CN. Sau đó lại đến thời kỳ phân tranh khi các lãnh tụ địa phương nổi lên, tự xưng Thiên tử và tuyên bố Thiên mệnh đã thay đổi. Vào năm 580, Trung Quốc tái thống nhất dưới thời nhà Tùy. Vào thời nhà Đường và nhà Tống, Trung Quốc đã đi vào thời hoàng kim của nó. Trong một thời gian dài, đặc biệt giữa thế kỷ thứ 7 và 14, Trung Quốc là một trong những nền văn minh tiên tiến nhất trên thế giới về kỹ thuật, văn chương, và nghệ thuật. Nhà Tống cuối cùng bị rơi vào quân xâm lược Mông Cổ năm 1279. Vua Mông Cổ là Hốt Tất Liệt lập ra nhà Nguyên. Về sau một thủ lĩnh nông dân là Chu Nguyên Chương đánh đuổi chính quyền người Mông Cổ năm 1368 và lập ra nhà Minh, kéo dài tới năm 1644. Sau đó người Mãn Châu từ phía đông bắc kéo xuống lật đổ nhà Minh, lập ra nhà Thanh, kéo dài đến vị vua cuối cùng là Phổ Nghi thoái vị vào năm 1911.

Đặc điểm của phong kiến Trung Quốc là các triều đại thường lật đổ nhau trong bể máu và giai cấp giành được quyền lãnh đạo thường phải áp dụng các biện pháp đặc biệt để duy trì quyền lực của họ và kiềm chế triều đại bị lật đổ. Chẳng hạn như nhà Thanh (người Mãn Châu) sau khi chiếm được Trung Quốc thường áp dụng các chính sách hạn chế việc người Mãn Châu bị hòa lẫn vào biển người Hán vì dân họ ít. Tuy thế, những biện pháp đó đã tỏ ra không hiệu quả và người Mãn Châu cuối cùng vẫn bị văn hóa Trung Quốc đồng hóa.

Vào thế kỷ thứ 18, Trung Quốc đã đạt được những tiến bộ đáng kể về công nghệ so với các dân tộc ở Trung Á mà họ gây chiến hàng thế kỷ, tuy nhiên lại tụt hậu hẳn so với châu Âu. Điều này đã hình thành cục diện của thế kỷ 19 trong đó Trung Quốc đứng ở thế phòng thủ

trước chủ nghĩa đế quốc châu Âu trong khi đó lại thể hiện sự bành trướng đế quốc trước Trung Á. Trước khi xảy ra nội chiến này cũng có một số cuộc khởi nghĩa của những người theo đạo Hồi, đặc biệt là ở vùng Trung Á. Sau đó, một cuộc khởi nghĩa lớn cũng nổ ra mặc dù tương đối nhỏ so với nội chiến Thái Bình Thiên Quốc đẫm máu. Cuộc khởi nghĩa này được gọi là khởi nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn với mục đích đuổi người phương Tây ra khỏi Trung Quốc. Tuy đồng tình thậm chí có ủng hộ quân khởi nghĩa, Thái hậu Từ Hi lại giúp các lực lượng nước ngoài dập tắt cuộc khởi nghĩa này.

Năm 1911, sau hơn hai nghìn năm dưới quyền lãnh đạo của các hoàng đế, Trung Quốc lật đổ hệ thống chính trị triều đại và chuyển sang một nền cộng hoà. Nhà Thanh đã suy yếu, Trung Quốc vừa trải qua một thế kỷ bất ổn định, cả với những cuộc nổi dậy bên trong cùng với chủ nghĩa đế quốc từ bên ngoài. Các nguyên tắc Tân Khổng giáo, cho tới thời điểm đó, đã duy trì hệ thống triều đại bị nghi ngờ và sự biến mất của lòng tin cá nhân bị cho là nguyên nhân khiến tới 40 triệu người Trung Quốc sử dụng thuốc phiện năm 1900 (khoảng 10% dân số). Tới khi bị các lực lượng viễn chinh của các cường quốc trên thế giới thời ấy đánh bại

trong cuộc đàn áp Khởi nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn, nhà Thanh đã gần như chính thức chấm dứt, vì không có chế độ khác thay thế nên sự tồn tại của nó vẫn được tính kéo dài tới tận năm 1912. Năm 1912, sau một thời gian dài suy sụp, chế độ phong kiến Trung Quốc cuối cùng sụp đổ hẳn và Tôn

Trung Sơn thuộc Quốc Dân Đảng thành lập Trung Hoa Dân Quốc (THDQ). Ba thập kỷ sau đó là giai đoạn không thống nhất — thời kỳ Quân phiệt cát cứ, Chiến tranh Trung-Nhật, và Nội chiến Trung Quốc. Nội chiến Trung Quốc chấm dứt vào năm 1949 và Đảng Cộng sản Trung Quốc nắm được đại lục Trung Quốc. ĐCS Trung Quốc lập ra một nhà nước cộng sản—nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHNDTH) — tự xem là nhà nước kế tục của Trung Hoa Dân Quốc. Trong khi đó, chính quyền THDQ do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo thì rút ra đảo Đài Loan, nơi mà họ tiếp tục được khối phương Tây và Liên Hiệp Quốc công nhận là chính quyền hợp pháp của toàn Trung Quốc mãi tới những năm 1970, sau đó hầu hết các nước và Liên Hiệp Quốc chuyển sang công nhận CHNDTH.

1.5. VỀ VĂN HOÁ – XÃ HỘI:

Người Trung Quốc vẫn luôn tự hào bởi họ có lịch sử và nền văn hoá lâu đời. Trung quốc là một trong những nền văn minh lớn của nhân loại, là đại diện cho một phần ý thức hệ của người phương Đông. Chúng ta có thể kể đến một số những nhà tư tưởng lớn như Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử...với những triết lý đạo đức và giáo lý căn bản đã ảnh hưởng trực tiếp đến ý thức hệ của người Trung Quốc.

Trong suốt chiều dài lịch sử, qua mỗi triều đại thì nền văn hoá Trung quốc lại phát triển thêm những nấc thang mới. Từ đời nhà Tần với bộ chữ viết đầu tiên, với công trình kiến

trúc nổi tiếng là Vạn Lý Trường Thành cho đến thời Đường, Minh với sự phát triển toàn diện trên cả lĩnh vực tư tưởng và văn hoá nghệ thuật. Và tiếp tục phát triển qua triều đại nhà Thanh cho đến ngày nay. Theo dòng xoáy của lịch sử dân tộc, các giá trị truyền thống, các loại hình văn hóa nghệ thuật...vẫn luôn được bảo tồn phát huy. Trong buổi khai mạc Olympic 2008, chúng ta đã thấy được toàn bộ quá trình hình thành và phát triển nền văn hoá Trung Quốc và thấy rõ người tự hào về nó như thế nào.

Trung Quốc là một nước đa dân tộc thống nhất, có 56 dân tộc. Trong đó người Hán nhiều nhất, chiếm khoảng 92% dân số cả nước. Sự phân bố của các dân tộc Trung Hoa có đặc điểm là vừa tập trung vừa phân tán, vừa có khuynh hướng sống pha tạp, vừa có khuynh hướng sống tụ họp thành nhóm nhỏ, đan xen phân bố. Các dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung ở vùng đông bắc, tây bắc và khu vực biên giới phía tây nam, còn lại là phân bố rải rác ở khắp nơi trong cả nước. Người Hán và các dân tộc thiểu số vừa cư trú một cách tập trung vừa cư trú tương đối pha tạp, đã xúc tiến sự giao lưu văn hoá và học tập lẫn nhau giữa các dân tộc, hình thành nên một mối quan hệ tương hỗ mật thiết không thể tách rời.

Trung Quốc là một nước đa tôn giáo, số người có tín ngưỡng lên tới hơn 100 triệu người. Phật giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo và Cơ đốc giáo đều được truyền bá tại Trung Quốc. Ngoài ra còn một tôn giáo đặc thù Trung Quốc là Đạo giáo, và một số tôn giáo khác như Samman giáo, Đông chính giáo, Đông ba giáo...

Phật giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Cơ đốc giáo, Đạo giáo đều thiết lập những đoàn thể mang tính toàn quốc hoặc địa phương. Các đoàn thể tôn giáo mang tính toàn quốc gồm Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, Hiệp hội Đạo giáo Trung Quốc, Hiệp hội Hồi giáo Trung Quốc, Giáo đoàn Thiên chúa giáo Trung Quốc, Ủy ban vận động Ái quốc Tam tự Cơ đốc giáo Trung Quốc, Hiệp hội Cơ đốc giáo Trung Quốc... Các đoàn thể này tiến hành tuyển cử theo điều lệ riêng của mình để bầu ra cơ cấu lãnh đạo và người lãnh đạo, giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo của mình một cách tự chủ, độc lập, mở các trường đào tạo về tôn giáo, in ấn phát hành sách kinh, xuất bản báo chí tôn giáo, thực hiện các hạng mục công ích xã hội.

CHƯƠNG II: KINH TẾ TRUNG QUỐC QUA CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

2.1. GIAI ĐOẠN 1 (Từ khi thành lập nước năm 1949 đến trước cải cách - mở cửa năm 1978)

2.1.1. Về thể chế kinh tế:

Kinh tế Trung Quốc thời kỳ này hoàn toàn theo chế độ công hữu đơn nhất tức là hoàn toàn thuộc sở hữu công cộng. Chỉ hình thành một khu vực kinh tế là khu vực kinh tế quốc doanh, khu vực kinh tế cá thể và tư nhân không được khuyến khích phát triển, khu vực này vốn chỉ được coi là nguồn bổ sung cho kinh tế công hữu công hữu. Chế độ cổ phần và hợp tác cổ phần bị coi là sản phẩm của CNTB. Chính vì vậy, các mặt hàng sản xuất theo kế hoạch và do Nhà Nước định giá, kế hoạch mang tính pháp lệnh, với sự hạn chế trong kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như quyền tự mua bán sản phẩm. Thể chế kinh doanh ngoại thương theo kiểu tập trung cao độ, Nhà nước luôn đứng ra bù lỗ.

2.1.2. Các chính sách phát triển:

2.1.2.1. Thời kỳ khôi phục kinh tế (1949 – 1952)

Sau ngày giải phóng, nền kinh tế Trung Quốc đang đứng trước nhiều khó khăn, sản xuất công thương nghiệp trong tình trạng giảm sút nghiêm trọng. Do vậy, công cuộc khôi phục kinh tế đã được triển khai trên tất cả các lĩnh vực kinh tế.

Năm 1950, nông thôn Trung Quốc đã tiến hành cải cách ruộng đất và đến năm 1952 cải cách ruộng đất đã cơ bản hoàn thành. Kết quả 46 triệu ha ruộng đất được chia cho 36 triệu nông dân. Do vậy, quan hệ kinh tế - xã hội trong nông thôn đã có sự thay đổi, quan hệ sản xuất phong kiến đã bị thủ tiêu, sản xuất nhỏ trở thành cơ sở cho sự phát triển của nông nghiệp.

Trung Quốc bước đầu xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp, năm 1951 có 300 hợp tác xã đến năm 1952 đã tăng lên 4000 hợp tác xã.

Về công thương, bắt đầu tiến hành quốc hữu hoá các cơ sở công thương nghiệp của tư bản nước ngoài và tư sản mại bản. Trên cơ sở ấy, các cơ sở kinh tế quốc doanh đã hình thành và nhà nước nắm giữ mạch máu của nền kinh tế. Cuối năm 1952 kinh tế quốc doanh chiếm 50% giá trị sản lượng, 95% trong tổng số chu chuyển hàng hoá và vật tư.

Sau 3 năm tiến hành khôi phục kinh tế Trung Quốc đã thu được những thắng lợi cơ bản. Năm 1952, tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp đạt 177.5% so với năm 1949. Tình

hình tài chính, giá cả và tiền tệ cũng đi vào ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, sản phẩm tính bình quân đầu người còn thấp do vậy để từng bước xoá bỏ tình trạng thấp kém và lạc hậu của nền kinh tế Trung Quốc tiến hành triển khai kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953-1957).

2.1.2.2. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953- 1957)

Năm 1952, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối chung cho thời kì qua độ: “Trong một thời kì dài, dần dần thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản theo hướng xã hội chủ nghĩa”

Bước vào kế hoạch 5 năm, Trung Quốc tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn, từ thành thị tới nông thôn với tất cả các đối tượng như nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công thương nghiệp tư bản tư doanh. Công cuộc cải tạo diễn ra với tốc độ nhanh và cơ bản hoàn thành vào nửa đầu năm 1956.

Thành phần kinh tế	Năm	
	1952	1957
Kinh tế quốc doanh	19%	33%
Kinh tế hợp tác xã	1,5%	56%
Kinh tế công tư hợp doanh	0,7%	8%
Kinh tế cá thể	73%	3%
Kinh tế tư bản tư doanh	7%	0,1%

Bảng 1: sự đóng góp của các thành phần kinh tế của Trung Quốc (1952-1957) (nguồn: www.chinaeconomy.info.com.cn)

Về phát triển kinh tế, Trung Quốc chủ trương thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa với phương châm xây dựng và phát triển công nghiệp nặng làm trung tâm gồm ngành điện lực, gang thép, hoá chất... Tốc độ của sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 18%.

Về sản xuất nông nghiệp, phong trào cải tiến kĩ thuật và xây dựng các công trình thủy lợi đã góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Nhịp độ tăng hàng năm của nông nghiệp đạt 4.5%. Do vậy, sản lượng lương thực năm 1957 đạt 185 triệu tấn.

Việc thực hiện đạt được những thành tựu: Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập phổ biến và được xác định đóng vai trò chủ đạo trong phát triển của nền kinh tế. Sản xuất công nông nghiệp đều có những tiến bộ đáng kể.

Ngoài ra còn có những mặt hạn chế: Cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, lao động thủ công là phổ biến, năng suất lao động thấp, trình độ quản lý vẫn bộc lộ nhiều yếu kém.

2.1.2.3. Kinh tế từ năm 1958 đến năm 1978

2.1.2.3.1. Thời kỳ “đại nhảy vọt” (1958 – 1965)

Vào tháng 9/1956, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc đã họp và khẳng định lại đường lối xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đại hội còn đề ra những chỉ tiêu kinh tế của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1958-1962) như tổng sản lượng sẽ tăng 75% so với năm 1957 trong đó công nghiệp tăng gấp 2 lần, nông nghiệp tăng 35%. Nhưng sau đó tình hình không diễn ra như vậy. Tư tưởng Mao Trạch Đông chi phối toàn bộ đường lối phát triển của Trung Quốc nên những mục tiêu của kế hoạch 5 năm đã được chỉnh sửa lại như nâng sản lượng công nghiệp lên 6.5 lần, sản lượng nông nghiệp lên 2.5 lần.

Trung Quốc phát động phong trào 3 ngọn cờ hồng: “Đường lối chung, đại nhảy vọt và công xã nhân dân”

Trong công nghiệp, Trung Quốc tập chung cao độ để phát triển công nghiệp nặng như luyện kim, chế tạo máy, hoá chất, điện lực... Bên cạnh đó còn phát động phong trào toàn dân làm công nghiệp, toàn dân làm gang thép. Sản xuất được nâng lên 80-100 triệu tấn. Do tập trung phát triển công nghiệp nặng, Trung Quốc đã rơi vào tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa công nghiệp - nông nghiệp, công nghiệp nặng - công nghiệp nhẹ.

Về nông nghiệp, Trung Quốc đã xây dựng các công xã nhân dân, mỗi công xã có khoảng 5000 hộ nông dân. Cuối năm 1958, tất cả các nông dân đã được đưa vào các công xã. Trung Quốc tiến hành mở rộng tập trung tư liệu sản xuất của nông dân, kinh tế phụ gia đình bị xoá bỏ và thực hiện chính sách phân phối bình quân theo phương châm “cả nước ăn chung một nồi cơm to, cả nước cùng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, càng nghèo càng cách mạng”.

Với tư tưởng phát triển kinh tế nhanh đã đưa Trung Quốc đến những hậu quả kinh tế nghiêm trọng: thu nhập quốc dân hàng năm giảm 3% trong đó sản lượng các mặt hàng công nghiệp đều giảm sút, sản lượng lương thực năm 1960 tụt xuống còn 160 triệu tấn và hàng năm Trung Quốc phải nhập khối lượng lương thực bằng 1/3 tổng giá trị hàng hoá nhập khẩu. Chính vì vậy, gây ra đảo lộn trong đời sống kinh tế - xã hội.

Hội nghị Trung ương 9 (1/1961) của Đảng cộng sản Trung Quốc đã đề ra những biện pháp điều chỉnh nhằm phục hồi nền kinh tế. Trong công nghiệp chủ trương giảm bớt các hạng mục xây dựng cơ bản, chuyển hướng chú trọng sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng. Nông thôn, các công xã nhân dân được củng cố lại, các chợ địa phương và kinh tế phụ gia đình đã được phục hồi. Những chính sách và biện pháp đã kịp thời giải quyết những khó khăn bắt cấp của nền kinh tế. Sản lượng nông nghiệp năm 1965 đạt 200 triệu tấn.

2.1.2.3.2. Giai đoạn “Đại cách mạng văn hoá vô sản” (1966-1976)

Trong giai đoạn này, những chính sách kinh tế tả khuynh vẫn tiếp tục được áp dụng và gây ra những hậu quả tiêu cực cho sự phát triển của nền kinh tế. Trung Quốc lại tiếp tục đầu tư cho công nghiệp đặc biệt là công nghiệp quân sự.

Trong nông nghiệp, các công xã nhân dân lại quay trở về với chính sách tăng cường xã hội hoá tư liệu sản xuất, sức lao động. Kinh tế phụ gia đình của nông dân lại bị xoá bỏ. Hoạt động tài chính nhà nước được tăng cường thông qua đẩy nhanh tích lũy từ nông nghiệp nên đời sống của nông dân càng gặp nhiều khó khăn. Chính sách lao động mang tính cưỡng bức và phân phối bình quân ở các công xã khiến nông dân không còn hứng thú với sản xuất.

Với chính sách kinh tế tả hữu trên đã khiến cho sức sản xuất bị giảm sút nghiêm trọng đồng thời còn gây nên những sáo trộn về kinh tế - xã hội và nền kinh tế lại rơi vào tình trạng khủng hoảng. Ba năm của thời kì “Đại cách mạng văn hoá” sản lượng của các loại sản phẩm công nghiệp đều giảm sút hoặc không tăng.

Bảng 2: một số sản lượng công nghiệp chủ yếu.

Đv: triệu tấn

Chủng loại sp	Năm 1966	Năm 1967	Năm 1968
Phân bón	9.6	8.1	9.5
Thép	13.0	10.0	14.0
Xi măng	17.0	14.0	17.0
Lương thực	212.0	218.0	212.0

Nguồn: www.chinaeconomy_info.com.cn

Tiềm lực công nghiệp của Trung Quốc trong một số ngành so với một số nước trên thế giới rất thấp kém. Sản lượng điện bình quân đầu người Trung Quốc kém Mỹ 67 lần, kém Liên Xô 28 lần; về thép kém Nhật Bản 32 lần, Mỹ 19 lần...

Sản xuất nông nghiệp ngày càng trì trệ, cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng yếu kém. Công nghiệp cũng giảm sút nhanh chóng, năm 1971 kim ngạch ngoại thương chỉ bằng năm 1959 là 4.4 tỷ USD.

Những thảm họa kinh tế nói trên là hậu quả của những chính sách và biện pháp kinh tế coi thường các quy luật kinh tế khách quan. Một số chính sách đề ra chưa đúng hoàn cảnh, tình hình như chế độ phân phối bình quân trong điều kiện sản xuất xã hội còn thấp kém nên không kích thích lợi ích đối với người lao động. Chính xu hướng trên đã để ra cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp gây trì trệ cho nền kinh tế. Kết quả cuối cùng là chính trị, xã hội rối loạn, lòng dân ly tán.

2.1.2.3.3. Kinh tế giai đoạn “Bốn hiện đại hoá”(1976 - 1978)

Năm 1976, Trung Quốc chủ trương thực hiện “Bốn hiện đại hoá”: công nghiệp, nông nghiệp, khoa học - kỹ thuật và quốc phòng. Mục tiêu của “Bốn hiện đại hoá” thể hiện những tham vọng rất lớn. Trong giai đoạn đầu, phải tiến tới đạt được sản lượng thép 60 triệu tấn, sản lượng lương thực 400 triệu tấn.

Thực hiện chủ trương trên, Trung Quốc cố gắng tăng nhanh tích lũy, đẩy mạnh nhập khẩu thiết bị và vay vốn nước ngoài. Tỷ lệ tích lũy trong thu nhập quốc dân tăng lên tới 36.5%. Trung Quốc tăng cường đầu tư cho xây dựng cơ bản, năm 1978 là 45 tỷ nhân dân tệ bằng 1.5 lần năm 1977. Nguồn vốn đầu tư của Trung Quốc chủ yếu tập trung vào công nghiệp hiện đại.

Những diễn biến kinh tế từ 1976-1978 phản ánh sự nôn nóng, là quá trình tiếp nối chủ trương “Đại nhảy vọt”. Do vậy, dẫn tới những ảnh hưởng nghiêm trọng cho nền kinh tế, giai đoạn 1976 - 1978 Trung Quốc phải nhập một lượng lương thực và thực phẩm chiếm 20% tổng giá trị hàng hoá nhập khẩu.

Trong công nghiệp, việc tập trung đầu tư cho công nghiệp nặng đã gây ra mất cân đối nghiêm trọng với công nghiệp nhẹ. Năm 1978, vốn đầu tư cho công nghiệp nặng chiếm 55.7% trong khi đó công nghiệp nhẹ chỉ có 5.7%.

Như vậy, chủ trương “Bốn hiện đại hoá” mà Trung Quốc đưa ra không phải là bài toán dễ dàng thực hiện. Trung Quốc đã nhận thức được chính sách nôn nóng không thể đem lại hiệu quả kinh tế như mong muốn.

2.2. GIAI ĐOẠN 2 (Thời kỳ cải cách - mở cửa từ năm 1978 đến nay)

Có thể nói thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa 30 năm qua của trung quốc đó là những thành tựu to lớn phi thường làm nức lòng nhân dân trong nước và được cả thế giới ngưỡng mộ. Thực lực kinh tế, sức mạnh tổng hợp và địa vị kinh tế của trung quốc được nâng cao rõ rệt. Sau đây là một vài sự thay đổi:

2.2.1. Sự thay đổi hệ thống kinh tế

Trước cải cách Trung Quốc quan niệm phát triển kinh tế XHCN chỉ dựa trên 1 chế độ sở hữu: chế độ công hữu hoàn toàn. Cuộc cải cách 30 năm qua đã được thực hiện trên 1 quan niệm mới với sự tồn tại và phát triển của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Ngoài công hữu cần phải phát triển cả kinh tế cá thể, liên doanh hay xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Sau cải cách năm 1978, Trung quốc hoàn thiện hệ thống kinh tế cơ bản của nền kinh tế với chế độ công hữu là chủ thể trong khi chấp nhận việc cùng tồn tại các hình thức sở hữu khác; về vai trò của các chế độ sở hữu liên quan đến các thành phần kinh tế được khẳng định: cải cách mở cửa của Trung Quốc đặt trên cơ sở phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong đó chế độ công hữu làm chủ thể và coi chế độ phi công hữu là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế. Thực tế 30 năm mở cửa, lực lượng kinh tế phi công hữu đã đóng góp rất tích cực vào thành tựu chung đối với phát triển kinh tế Trung Quốc:

+ Thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; đẩy mạnh sự phối hợp phát triển giữa các khu vực khác nhau; thiết lập một hệ thống thị trường hiện đại có trật tự, mở cửa và thống nhất; hoàn thiện hệ thống tạo việc làm, phân phối thu nhập và an sinh xã hội;

+ Và thiết lập một cơ chế thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội bền vững. Và cho kinh tế thị trường vừa phục vụ CNTB vừa phục vụ CNXH, đồng thời chế độ công hữu là chính nhưng các hình thức khác cùng tồn tại và phát triển, và cuối cùng là chế độ phân phối theo lao động là chính nhưng các hình thức phân phối khác cùng song song tồn tại.

+ Tại Viện kinh tế thuộc Viện hàn lâm khoa học phân định hiện nay Trung Quốc có 8 loại hình kinh tế:

1. Kinh tế quốc hữu (co doanh nghiệp cạnh tranh va phi cạnh tranh)
2. Kinh tế tập thể(theo quan niệm mới về công hữu)
3. Kinh tế cá thể(cá nhân gia đình hay thuê<8 lao động)
4. Kinh tế cổ phần(bao gồm công ty TNHH và công ty cổ phần)
5. Kinh tế góp vốn hợp tư (liên doanh)

6. Đầu tư nước ngoài
7. Kinh tế Ma Cao và Hồng Kông
8. Kinh tế tư nhân (cá nhân thành lập doanh nghiệp và thuê > 8 lao động)

Trong đó khăng định kinh tế quốc hữu giữ vai trò chủ đạo, nhưng chủ đạo không phải là lăm số lượng lớn mà là giữ huyết mạch.

+ Tại trường đại học Trung Sơn (Quảng Đông)

Cho rằng: việc phân ra 8 loại hình chỉ là tương đối vì trong thực tế chúng luôn đan xen với nhau. Theo thống kê toàn Trung Quốc có 315.000 xí nghiệp quốc hữu với tổng số vốn chiếm trên 60% vốn xí nghiệp tòa xã hội thu hút 67% lực lượng lao động xã hội, số xí nghiệp này là các công ty tập đoàn còn lại tới 80% là xí nghiệp quốc hữu nhỏ (trước cải cách tới 99% là của công hữu).

Việc khăng định chế độ công hữu làm chủ thể của nền kinh tế cùng với việc đề cao tính phổ biến của chế độ công hữu thì đồng thời Trung Quốc vẫn kiên trì thừa nhận vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu. Giờ đây quan niệm về chủ đạo đã thay đổi: không phải nắm tuyệt đối về lượng mà là khả năng chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân thông qua việc nắm các huyết mạch chủ yếu

Thủ tướng Trung Quốc nói rằng đây là phương hướng cải cách hệ thống kinh tế của Trung Quốc và có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thúc đẩy chính sách cải cách, mở cửa cũng như công cuộc hiện đại hóa của nước này. Thủ tướng Ôn Gia Bảo nhấn mạnh: “Chỉ có đẩy mạnh cải cách mới có thể cải thiện được hệ thống kinh tế thị trường XHCN và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng xã hội khá giả”.

2.2.2. Những thay đổi lớn về thể chế kinh tế

Sau cải cách thể chế kinh tế Trung Quốc từ chế độ công hữu đơn nhất chuyển sang chế độ lấy chế độ công hữu làm chủ thể, kinh tế nhiều loại sở hữu xùng phát triển.

Trước cải cách gần như hoàn toàn thuộc sở hữu công cộng chiếm tới 99,1% tổng sản phẩm trong nước vào năm 1978. Cùng với tiến trình cải cách nhận thức về công hữu ngày càng có sự thay đổi sâu sắc, đã tiến tới khăng định rằng nguồn vốn trong chế độ công hữu không chỉ thể hiện ở số lượng mà còn ở chất lượng. Với chủ trương nhiều loại hình kinh tế cùng phát triển, không chỉ có các doanh nghiệp cá thể mà còn có các doanh nghiệp “3 loại vốn”, các doanh nghiệp theo chế độ sở hữu hỗn hợp như chế độ cổ phần và hợp tác cổ phần.

Kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân được khuyến khích cùng phát triển nên đến cuối năm 1979 số hộ đăng ký kinh doanh là 29,47 triệu với 67,97 triệu lao động. Sự lớn mạnh của các

loại hình này ngày càng có tác dụng tích cực rõ trong việc đáp ứng đòi hỏi về đời sống cho nhân dân, làm cho đời sống kinh tế xã hội của cả nước thêm sôi động, từ chỗ được coi là bổ xung cho kinh tế công hữu, nay các loại hình kinh tế này đã được Quốc hội Trung Quốc dự kiến đưa vào Hiến pháp sửa đổi, quy định đó “là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường XHCN” được Nhà Nước bảo hộ quyền lợi và lợi ích hợp pháp. Điều đó cho phép các loại hình kinh tế phi công hữu này sẽ phát huy được tiềm năng to lớn của mình trong phát triển kinh tế.

Các doanh nghiệp 3 loại vốn đã phát triển rất nhanh. Đến cuối năm 1979 đã lên tới 236 ngàn xí nghiệp đã đưa vào đất nước nguồn vốn còn thiếu và những quan niệm mới và kinh nghiệm quản lý mới.

Chế độ cổ phần và hợp tác cổ phần trước đây bị coi là sản phẩm của CNTB nay đã được cho phép hình thành và cho vào nề nếp. Đến cuối năm 1997 trong cả nước có 680 ngàn doanh nghiệp thí điểm thực hiện chế độ này với số vốn đăng kí là 1730.2 tỷ NDT.

Đến cuối năm 1979 tỷ trọng của các loại hình phi công hữu trong tổng sản phẩm trong nước đạt từ 0.9% tới 24.2% còn mức giảm tương ứng của kinh tế công hữu từ 99.1% tới 75.8%.

Bước đầu hình thành bộ khung thể chế thị trường kinh tế XHCN, chức năng của thị trường tăng lên mạnh mẽ: Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp từ thấp đến cao nhằm chuyển dần vai trò điều tiết trực tiếp của kế hoạch sang điều tiết gián tiếp thông qua thị trường:

Trước hết thu hẹp các mặt hàng sản xuất theo kế hoạch và do Nhà Nước định giá, giảm kế hoạch pháp lệnh, xóa bỏ sự hạn chế trong kinh doanh của doanh nghiệp, mở rộng quyền tự mua bán sản phẩm.

Đã cải cách chế độ buôn bán lẻ trong thương nghiệp cho phép kinh tế phi quốc hữu được tham gia buôn bán, lập ra các chợ bán buôn và các trung tâm mậu dịch, hình thành dần thị trường hàng hóa, nối liền thành thị với nông thôn. Cho đến nay ở trung quốc có khoảng 95% hàng tiêu dùng và 80% hàng đầu tư là do quan hệ cung cầu trên thị trường định giá.

Hai là xây dựng và phát triển thị trường vốn bằng việc hoàn thiện thị trường tín dụng, khôi phục và hình thành thị trường cổ phiếu, quốc trái bị ngừng hoạt động đã nhiều năm.

Ba là, thị trường lao động được hình thành qua việc cho phép người lao động nông thôn được di chuyển vào thành phố.

Ngoài ra các thị trường khoa học kỹ thuật, thông tin, văn hóa cũng không ngừng phát triển. Việc cải cách thể chế phân phối đã bước đầu đi theo hướng lấy phân phối theo lao động làm chủ thể, nhiều hình thức phân phối cùng tồn tại.

Điều này thể hiện trước hết trong việc gắn thu nhập với kết quả sản xuất của người lao động: ở nông thôn chế độ trách nhiệm khoán đến hộ gia đình đã xóa bỏ cách làm ăn cũ” làm việc chỉ gào to, phân phối thì dàn đều”, nay người nông dân làm nhiều thì hưởng nhiều làm ít thì hưởng ít. Ở thành phố các xí nghiệp đã có quyền tự chủ trong việc sử dụng công nhân và quặng phân phối lợi ích, việc tuyển dụng và trả lương cho họ là căn cứ vào kết quả kinh doanh chứ không phải do cấp trên quy định như trong thể chế cũ.

+ Tích cực đẩy mạnh xí nghiệp nhà nước: xí nghiệp nhà nước chiếm 17% tổng số doanh nghiệp công nghiệp hạch toán độc lập nhưng chiếm 59.9 tổng giá trị tài sản, 46.25% thu nhập kinh doanh, 49.6% giá trị gia tăng của công nghiệp, 49,6% thuế lợi tức và đóng góp 60% ngân sách Nhà nước.

+ Cố gắng thực hiện cải cách thể chế đầu tư: đa dạng hoá các hình thức đầu tư

+ Cải cách thể chế ngoại thương theo hướng đa nguyên hóa thành phần kinh doanh, mở rộng quyền tự chủ: cùng với công cuộc cải cách thể chế kinh tế và sự phát triển của thị trường, thể chế kinh doanh ngoại thương kiểu tập trung cao độ đã dần dần được xóa bỏ, các đơn vị ngoại thương được tự do hơn trong kinh doanh và đóng vai trò chủ thể của thị trường, tự chủ kinh doanh, tự chịu lỗ lãi. Năm 1996 Trung Quốc đã thí điểm hợp doanh với nước ngoài kinh doanh ngoại thương tại khu phố mới tại khu phố mới Phố Đông thượng hải và đặc khu kinh tế Thâm Quyển.

2.2.3. Các chính sách phát triển thời kỳ này

2.2.3.1. Giai đoạn đầu cải cách (1979 – 1984)

Năm 1978, Hội nghị Trung ương 3 khóa XI của Đảng cộng sản Trung Quốc (12/1978) quyết định cải cách và mở cửa kinh tế. Đây là cuộc cải cách lớn, toàn diện về kinh tế, từ tư duy lý luận đến hoạt động thực tiễn, từ quan hệ sở hữu tài sản tới cơ chế quản lý kinh tế, từ điều hành nền sản xuất tới phân phối thu nhập...

Năm 1979: Trung Quốc quyết định xây dựng các đặc khu kinh tế, gồm ba đặc khu kinh tế là Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu tại tỉnh Quảng Đông và đặc khu kinh tế Hạ Môn tại tỉnh Phúc Kiến. Việc quyết định xây dựng đặc khu nhằm mở rộng hợp tác kỹ thuật và giao lưu kinh tế với nước ngoài, tận dụng FDI (vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài), đưa khoa học kỹ thuật tiên tiến vào Trung Quốc. Từ năm 1978-2007, FDI tích lũy vượt 760 tỉ USD, đứng đầu thu hút FDI tại các nước đang phát triển và đứng thứ hai thế giới.

Năm 1982, Trung Quốc thực hiện khoán sản lượng hoặc khoán toàn bộ đến hộ nông dân. Việc giải phóng năng lực sản xuất cho hàng trăm triệu hộ nông dân đã mang lại bước nhảy vọt trong kinh tế nông thôn. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 11,5%/năm trong giai đoạn 1980 - 1985, gấp 3,5 lần giai đoạn 1953 - 1980.

2.2.3.2. Cải cách về hành chính – kinh tế ở các thành phố, xí nghiệp quốc doanh là nhiệm vụ trọng tâm và cải cách ở một số lĩnh vực khác (1985 – 1992)

Năm 1986, Trung Quốc khởi động cải cách doanh nghiệp nhà nước. Năm 1993, Trung Quốc hiện đại hóa khu vực kinh tế nhà nước gồm tổ chức các tập đoàn lớn, đổi mới kỹ thuật, áp dụng phương pháp quản lý khoa học. Các doanh nghiệp nhà nước vừa và nhỏ có quyền lựa chọn hình thức tổ chức và hoạt động như cổ phần hóa, cho thuê, chuyển thành sở hữu tập thể hoặc bán cho tư nhân. Đến cuối năm 2007, 1.550 doanh nghiệp lên sàn chứng khoán.

Năm 1992, Trung Quốc xác lập mục tiêu “kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”. Mở đầu thị trường hóa trong lĩnh vực y tế và nhà ở thị trường hóa từ năm 1992 – 1994. Kết quả điển hình của thị trường hóa là doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh ăn uống tăng gấp 225 lần; bình quân năm tăng 20,53%.

2.2.3.3. Giai đoạn xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế (1992 đến nay)

Thực tế cho thấy năm 1998 Trung Quốc mở rộng nội nhu thông qua tăng cường đầu tư. Tuy nhiên không thể lạm dụng tăng mức đầu tư cao quá 25%, bởi song song với nó là quá trình điều chỉnh cơ cấu. Theo các chuyên gia, nguồn tài chính mà Chính phủ Trung Quốc không chế chiếm 22% GDP. Chính sách tài chính tích cực mà chính phủ Trung Quốc luôn chú ý điều chỉnh chính sách tín dụng, phát triển thị trường vốn, đặc biệt tăng vốn đầu tư trực tiếp và thực hiện doanh nghiệp hóa ngân hàng thương mại, trao trả ngân hàng thương mại chức năng vốn có của nó, không ép ngân hàng thương mại đầu tư vốn vào các công trình thuộc cơ sở hạ tầng thu hồi vốn chậm, vì bản thân ngân hàng thương mại không có đủ nội lực. Đầu tư cho các hạng mục đó phải huy động nguồn vốn trong dân và vốn đầu tư nước ngoài, chính vì vậy nó đã thúc đẩy nhanh tốc độ cải cách hệ thống tài chính của Trung Quốc. Trung Quốc đã nhận rõ một nước lớn như Trung Quốc thì việc ngân hàng có yêu cầu nhất định trong cơ chế cho vay là hoàn toàn phù hợp. Đầu tư cơ sở hạ tầng cần phân chia thành hai loại là dịch vụ công cộng và dịch vụ kinh doanh. Hiện ở Trung Quốc xuất hiện tình trạng đầu tư xây dựng đường cao tốc vốn lớn mà thu hồi chậm, nguyên nhân là do lượng xe lưu hành trên đường cao tốc thấp hơn so với dự đoán ban đầu, có thể là do thói quen, song chủ yếu vẫn là do không muốn nộp phí đường cao tốc mà xe cộ lưu hành vẫn thích đi đường cũ.

Nhu cầu tiêu dùng là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, là mục đích, kết quả phát triển lực lượng sản xuất. Vấn đề đặt ra đối với Trung Quốc hiện nay là thay đổi xu thế hạn chế và coi nhẹ tiêu dùng. Then chốt là tìm ra nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng của người dân.

Đinh Ninh Ninh - chuyên gia Trung tâm nghiên cứu phát triển Quốc Vụ Viện Trung Quốc cho rằng “Tăng đầu tư về cơ bản không thể giải quyết tận gốc vấn đề nhu cầu tiêu dùng. Những dự tính xã hội sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu dùng...” các biện pháp cải cách nhà ở gần đây được tiến hành ồ ạt làm cho hầu hết cán bộ viên chức, những người làm công ăn lương phải dùng hết số tiền tích lũy của họ, thậm chí đi vay để giải quyết vấn đề chỗ ở. Chính sách y tế, chữa bệnh chưa được ban hành làm cho người dân chưa yên tâm, đó là những yếu tố kìm hãm sức tiêu dùng. Nếu chính phủ đưa ra một số khuôn mẫu cải cách hệ thống bảo hiểm thì người dân sẽ yên tâm hơn và điều này sẽ kích thích nhu cầu tiêu dùng.

Thị trường ở Trung Quốc hiện nay thuộc về người mua, song nhìn chung mức tiêu dùng còn tương đối thấp. Đó là sự thể hiện mâu thuẫn về kết cấu tiêu dùng (kết cấu cung cầu). Để giải quyết vấn đề này cần khuyến khích tạo ra nhu cầu mới, mở rộng thị trường, tạo ra không gian lựa chọn lớn cho người tiêu dùng.

Năm 2001, Trung Quốc chính thức trở thành thành viên WTO. Đến năm 2002, các ngân hàng nước ngoài đã mở 175 công ty với tổng số vốn 31,7 tỉ USD; chín công ty bảo hiểm nước ngoài thuộc tám nước đã mở 12 công ty tại Trung Quốc. Các tổ chức tài chính thu hút vốn FDI tập trung tại các thành phố và đặc khu như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Thâm Quyển, Hạ Môn, Chu Hải, Thiên Tân...

Năm 2004, Trung Quốc cổ phần hóa các ngân hàng thương mại quốc doanh; đưa điều khoản bảo hộ tài sản tư hữu vào Hiến pháp. Căn cứ theo số liệu của tạp chí *Forbes*, Trung Quốc có 10 tỉ phú USD năm 2005 trong số 691 tỉ phú USD của thế giới.

Năm 2005, Trung Quốc bãi bỏ thuế nông nghiệp; đưa ra nhiệm vụ lịch sử xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Nông dân chiếm hơn 70% dân số Trung Quốc thoát nghèo, một số người và khu vực dần giàu lên. Từ năm 1978 – 2007, người nghèo ở nông thôn từ 250 triệu người giảm còn 14,79 triệu người.

Năm 2007: Luật về quyền tài sản tư ra đời. Theo *Nhân dân nhật báo*, tiền dự trữ trong dân tăng gấp 700 lần trong 30 năm. Theo con số thống kê của tạp chí *Forbes* tháng 3.2008, số lượng tỉ phú USD của Trung Quốc là 42 người; cộng thêm 26 tỉ phú của đặc khu Hồngkong, Trung Quốc vượt qua Nhật Bản trở thành nước có nhiều tỉ phú nhất châu Á. Ngoài ra, Trung Quốc còn là một trong những nước có nhiều triệu phú nhất thế giới.

Trong 30 năm, GDP (tổng giá trị sản phẩm nội địa) bình quân tăng 9,7%, lần lượt vượt qua Ý, Pháp và Anh vào các năm 2004, 2005, 2006 và đang dần tiếp cận với Đức.

2.2.4. Một số vấn đề về văn hoá – xã hội

Theo kết quả nghiên cứu về phân tích và dự đoán tình hình xã hội Trung Quốc 2004-2005 vừa được Viện Khoa học xã hội Trung Quốc công bố đầu năm này thì Trung Quốc đang bước vào thời kỳ phát triển kinh tế khả quan nhất, đồng thời cũng tồn tại bảy vấn đề xã hội nghiêm trọng cần phải cảnh giác.

Mâu thuẫn xã hội gia tăng

Năm 2004, số vụ khiếu nại của nông dân Trung Quốc lên cấp trên gia tăng, trong đó một bộ phận nông dân kiện vì bị mất đất canh tác nhưng chưa được bồi thường công bằng và ổn định cuộc sống thỏa đáng.

Theo số liệu dự tính, hiện Trung Quốc có khoảng 40 triệu nông dân bị mất đất. Thế nhưng pháp luật về trưng dụng đất chưa theo kịp tiến trình phát triển, mức bồi thường chưa thỏa đáng nên số vụ khiếu kiện lên cấp trên gia tăng trong năm 2004.

Phân hóa giàu - nghèo có xu hướng mở rộng

Theo một kết quả điều tra xã hội trên 50.000 hộ dân ở các TP, thị trấn Trung Quốc, ở nhóm người có mức thu nhập cao nhất thì mức thu nhập bình quân đầu người sáu tháng đầu năm 2004 là 13.322 NDT (khoảng 26 triệu đồng), bằng 2,8 lần mức thu nhập bình quân cả nước; trong khi đó nhóm người thu nhập thấp nhất chỉ đạt mức bình quân 1.397 NDT, bằng 29% mức thu nhập. Tỷ lệ giữa mức thu nhập cao nhất và thấp nhất năm 2003 là 9,1:1, năm 2004 tăng lên 9,5:1. Phân hóa thu nhập vùng, nhất là vùng duyên hải giàu có và vùng miền Tây nghèo khó cũng có xu hướng tương tự. Chủ trương để một số khu vực, cá nhân có điều kiện giàu lên trước rồi kéo theo các đối tượng khác giàu sau tuy có khuyến khích một số vùng, dân cư giàu lên nhanh chóng, góp phần tăng trưởng kinh tế nhưng lại mở rộng thêm phân hóa giàu nghèo.

Phân hóa giàu nghèo mở rộng và giá thực phẩm tăng cao trong vài năm gần đây đã dẫn đến sự mất thăng bằng về tâm lý trong một số dân cư. Theo một điều tra, hai năm gần đây tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc nhanh hơn nhưng mức độ hài lòng và lòng tin của tầng lớp thu nhập thấp lại giảm.

Giảm nghèo vẫn là nhiệm vụ nặng nề trong thế kỷ mới đối với Trung Quốc

Qua 25 năm cải cách mở cửa, số người nghèo khổ ở Trung Quốc từ 250 triệu người giảm xuống còn 29 triệu người, đó là bước thành công lớn. Nhưng hiện nay đối với nông

thôn Trung Quốc, tiêu chuẩn nghèo khổ mới ở mức thu nhập bình quân đầu người cả năm dưới 625 NDT, thấp hơn mức 900 NDT theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc.

Nạn thất nghiệp

Hàng năm ở các TP và thị trấn Trung Quốc, số lao động mới trưởng thành cộng với số thất nghiệp lên đến con số 24 triệu người, bằng dân số của một nước trung bình, nhưng mỗi năm Trung Quốc chỉ tạo ra được 9 triệu việc làm mới.

Chống tham nhũng

Những năm qua nguồn nhân lực và vật lực của các cơ quan kiểm tra kỷ luật, giám sát, kiểm sát, kiểm toán nhà nước... của Trung Quốc đổ vào việc chống tham nhũng rất lớn. Tuy hàng loạt quan tham đã bị đưa ra ánh sáng và bị xử lý nghiêm minh nhưng những vụ tham nhũng lớn và nghiêm trọng vẫn xuất hiện.

Chi phí chống tham nhũng cao đòi hỏi phải hoàn thiện chế độ; từng bước cải cách thể chế chính trị; công khai và công bằng trong bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ; xây dựng chế độ khai báo tài sản và thẩm tra tài sản khi thôi việc đối với công chức.

Hạn chế về nguồn tài nguyên, năng lượng và môi trường

Nguồn tài nguyên tính theo đầu người của Trung Quốc tương đối thấp. Về dầu mỏ Trung Quốc phải tìm nguồn khắp nơi trên thế giới, không những với Nga, Trung Cận đông... mà còn sang cả Brazil xa xôi để ký hợp đồng đổi công trình lấy dầu mỏ. Lượng tiêu hao các loại vật tư cơ bản của Trung Quốc cũng rất lớn.

Năm 2003, lượng tiêu thụ gang thép, xi măng của Trung Quốc chiếm 1/3 toàn cầu. Ngoài ra, còn vấn đề môi trường, chất ô nhiễm thải ra vượt xa năng lực làm sạch môi trường, tình trạng môi trường sinh thái bị phá hoại ở một số khu vực đang rất nghiêm trọng..

Đời sống - văn hoá

Từ sau khi cải cách kinh tế đã đạt được những thành tựu to lớn, làm cho thu nhập của mọi người dân tăng lên, và đời sống vật chất ngày càng được nâng cao. Nhưng do chính sách phát triển trước năm 2000 là phát triển vùng trọng điểm, làm chênh lệch thu nhập giữa các vùng, và khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng.

Quá trình đô thị hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đã làm mờ nhạt các bản sắc vốn có ở một bộ phận người dân thành thị. Các giá trị truyền thống cũng dần bị mai một, một bộ phận giới trẻ theo trào lưu phương Tây đã dần đánh mất đi những giá trị đạo đức truyền thống.

Tóm lại, chạy theo tăng trưởng, xem nhẹ phát triển bền vững về mặt xã hội, văn hoá và môi trường, Trung Quốc không phải là mô hình tốt cho Việt Nam học tập. Nhưng ngay cả sau khi phải trả những cái giá nhất định về những khía cạnh đó để đạt cho kỳ được mục tiêu tăng trưởng trong ba thập kỷ liên tục thì quá trình công nghiệp hóa của Trung Quốc vẫn còn phải chấp nhận những cái giá lớn hơn nữa.

CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHẢI ĐỐI MẶT

Trong nửa thế kỷ tồn tại của nước CHND Trung Hoa, chỉ từ khi đất nước thực hiện quốc sách chiến lược cải cách - mở cửa từ Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá XI ĐCS Trung Quốc (họp tháng 12-1978) vạch ra, Trung Quốc mới thực sự bước vào con đường xây dựng và phát triển ổn định, tiến tới hiện đại hoá, thực hiện dân giàu nước mạnh, đạt được nhiều thành tựu huy hoàng và để lại những bài học sâu sắc cho các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi.

Cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc có một ý nghĩa to lớn, được đánh giá cao trong nước và trên quốc tế, vì nó đã đem lại cho Trung Quốc những biến đổi lịch sử quan trọng.

Có thể nói thành tựu của công cuộc cải cách - mở cửa gần 30 năm qua của Trung Quốc đã được thể hiện rực rỡ nhất trong thời kỳ Kế hoạch 5 năm (2001-2005) lần thứ 10 của nước này, đó là những thành tựu to lớn phi thường, làm nức lòng nhân dân trong nước và được cả thế giới ngưỡng mộ.

Trung Quốc đã không chế có hiệu quả những nhân tố không ổn định, không lành mạnh trong quá trình phát triển, ứng phó thành công với những biến đổi sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Thực lực kinh tế, sức mạnh tổng hợp và địa vị quốc tế của Trung Quốc được nâng cao rõ rệt.

Từ những thành tựu nổi bật

Về kinh tế: Trung Quốc đã liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Giá trị tổng sản lượng quốc nội (GDP) tăng trưởng bình quân 8,8% mỗi năm.

Bảng 3: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm

Đơn vị tính: Tỷ nhân dân tệ

Chỉ tiêu	2002	2003	2004	2005	2006
1. GDP theo giá thị trường thực tế	12033,3	13582,3	15987,8	18386,8	20940,7
2. GDP theo giá so sánh 2000	11722,7	12895,0	14197,4	156373,9	17351,0

(Nguồn số liệu: Những chỉ tiêu chủ yếu – ADP 2007. Niên giám thống kê 2007 – TCTK)

GDP bình quân đầu người tăng liên tục qua các năm và Trung Quốc đã thoát khỏi nước có thu nhập thấp.

Bảng 4: GDP bình quân đầu người theo giá thực tế:

Đv tính: đô la Mỹ - USD

Chỉ tiêu	2002	2003	2004	2005	2006
GDP bình quân đầu người	1.135,5	1.273,6	1.490,3	1.720,1	2.016,1

(Nguồn số liệu: Những chỉ tiêu chủ yếu – ADP 2007. Niên giám thống kê 2007 – TCTK)

Lợi nhuận xí nghiệp công nghiệp từ mức 439,3 tỷ Nguyên (đơn vị tiền Nhân dân tệ), tăng lên tới mức 1.134,2 tỷ Nguyên.

Lĩnh vực công nghệ với tiến trình công nghiệp hoá, tin học hoá được đẩy nhanh. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp giai đoạn này đạt bình quân 10,7%. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế từ 43,6% năm 2001 tăng lên 45,9% năm 2004. Sản lượng các sản phẩm quan trọng đều gấp hơn hai lần như: thép thô tăng 144 triệu tấn, thép thành phẩm tăng 165,77 triệu tấn, xe hơi tăng 3 triệu chiếc, xi măng tăng 373 triệu tấn, tăng 62%; điện lực tăng 831,4 tỷ kWh, tăng 61,3%.

Bảng 5: Giá trị sản xuất một số ngành công nghiệp

Đvtính: Tỷ nhân dân tệ

Năm Ngành	2002	2003	2004	2005	2006
	Công nghiệp (khai khoáng, chế biến, điện, khí đốt và nước)	4.786,8	5.399,5	6.020,5	6.718,8

(Nguồn: Những chỉ tiêu chủ yếu – ADB 2007)

Sự phát triển thành thị - nông thôn được cân đối hơn. Nhà nước đã thi hành chủ trương miễn thuế nông nghiệp, trực tiếp bù trợ cho nông dân trồng lương thực, sản xuất nông nghiệp có sự chuyển biến quan trọng, sản lượng lương thực năm 2004 đạt gần 469,5 triệu tấn.

Bảng 6: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp

Đvtính: Tỷ nhân dân tệ

Ngành	Năm				
	2002	2003	2004	2005	2006
Nông nghiệp	1.556,7	1.595,6	1.696,1	1.784,3	1.873,6

(Nguồn: Những chỉ tiêu chủ yếu – ADB 2007)

Thế chế quản lý mở rộng: Kinh tế được cải cách, đặc biệt là cải cách xí nghiệp quốc hữu. Trong tổng số 2.903 xí nghiệp quốc hữu hoặc nhà nước chiếm cổ phần không chế, đến cuối năm 2004 có 1.464 xí nghiệp được chuyển đổi thành xí nghiệp loại hình công ty cổ phần. Thế chế giám sát quản lý vốn quốc hữu bước đầu được hình thành. Các ngành trọng điểm thông tin điện tử, hàng không dân dụng, điện lực được đẩy nhanh cải cách thể chế. Việc cải cách thuế thu ở nông thôn đạt được tiến bộ lớn, thị trường thu mua lương thực được mở cửa toàn bộ, trở thành thị trường kinh doanh nhiều luồng mạch.

Lĩnh vực mở cửa với bên ngoài đạt nhiều thành tựu nổi bật. Xuất nhập khẩu hàng hoá liên tục đạt mức tăng trưởng cao; đưa Trung Quốc từ vị trí thứ 8 vượt lên đứng vị trí thứ ba thế giới về thương mại. Cơ cấu hàng xuất khẩu được cải thiện, sản phẩm cơ điện và sản phẩm công nghệ cao chiếm 54,5% và sản phẩm mới chiếm 27,9% trong cơ cấu hàng xuất khẩu.

Bảng 7: Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu

Đvtính: Triệu đô la Mỹ

Ngành	Năm				
	2002	2003	2004	2005	2006
Xuất khẩu	325.600	438.230	593.320	761.950	969.073
Nhập khẩu	295.170	412.760	561.230	659.950	791.610
Cán cân thương mại	30.430	25.470	32.090	102.000	177.463

(Nguồn: Những chỉ tiêu chủ yếu – ADB 2007)

Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Năm 2005 mức thu nhập, chi dùng của dân cư thành thị đạt trên 10.000 Nguyên, tăng 59% so với năm 2000; thu nhập của nông dân vào

khoảng 4.000 Nguyên, tăng 45% so với năm 2000. Số người nghèo khó ở nông thôn từ 32,09 triệu năm 2000 giảm xuống còn 26,1 triệu năm 2004.

Các sự nghiệp phúc lợi xã hội phát triển nhanh. Nhà nước tăng mạnh ngân sách và sự trợ giúp cho khoa học công nghệ, giáo dục, văn hoá, y tế, thể dục thể thao. Các công trình khoa học công nghệ cơ sở quan trọng được xây dựng nhiều. Các kế hoạch nghiên cứu công nghệ cao, then chốt, các kế hoạch nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ cơ bản trọng điểm nhà nước tiến triển thuận lợi. Thành tựu lớn tiêu biểu cho sự tiến bộ về khoa học công nghệ của Trung Quốc là việc phóng thành công con tàu vũ trụ Thần Châu-6 trong đó lần đầu tiên hai phi công vũ trụ Trung Quốc đã bay nhiều ngày trong vũ trụ. Sự nghiệp giáo dục phổ thông và giáo dục dạy nghề đều phát triển nhanh. Quy mô giáo dục bậc cao liên tục mở rộng.

Việc xây dựng pháp chế dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng văn minh tinh thần được chú trọng và tăng cường. Sinh hoạt dân chủ ở cơ sở được mở rộng, các thể chế thôn xóm tự quản, phường tự quản, công khai việc xóm, công khai việc xí nghiệp, công khai việc hành chính từng bước được xúc tiến.

Những tồn tại và khó khăn cần tiếp tục giải quyết:

Sau 30 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu huy hoàng, nhưng cũng còn gặp rất nhiều khó khăn mâu thuẫn. Lúc giao thời giữa hai thế kỷ, trong tình hình cạnh tranh gay gắt và diễn biến phức tạp trong nền kinh tế thế giới, Trung Quốc càng gặp nhiều thách thức cần xử lý. Những khó khăn, mâu thuẫn, tiêu cực đó, có thể chia ra thành bốn loại vấn đề như sau:

- Những vấn đề mới nảy sinh sau khi giải quyết các vấn đề cũ. Sau khi phá bỏ chủ nghĩa bình quân "ăn cơm nồi to", đã động viên được tính tích cực chủ động của người lao động. Cơ chế thị trường đi vào nền kinh tế, cả xã hội trở nên năng động và đầy sức sống. Đó là kết quả quan trọng mà cuộc cải cách đã đem lại. Song đồng thời lại nảy sinh ra một loạt vấn đề mới. Trước hết là khoảng cách về thu nhập giữa các cá nhân, ngành nghề, và khu vực bị mở rộng. Nếu như khoảng cách về thu nhập hình thành do sự khác biệt về thái độ lao động, về số lượng và chất lượng lao động, thì có khoảng cách ấy là hợp lý, cần thiết và không thể tránh khỏi. Về mặt chính sách, chủ trương cho phép một số người, một số vùng giàu lên trước là có lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội do tác dụng kích thích động viên của nó.

Tuy nhiên, trong quá trình cải cách đã xuất hiện tình trạng quá chênh lệch về thu nhập giữa các cá nhân, ngành nghề, khu vực, không tương ứng với sự khác nhau về lao động; đặc biệt thu nhập do làm ăn phi pháp đẻ ra một lớp người phát lên quá nhanh; nạn tham ô hối lộ lan tràn, vừa phá hoại sự phát triển bình thường của nền kinh tế, vừa ảnh hưởng đến tính tích

cực của người lao động và sự ổn định xã hội. Đó là vấn đề nghiêm trọng đề ra trong cải cách Hai là, quá trình chuyển đổi nền kinh tế đã tạo ra nạn dư thừa lao động, thất nghiệp, trong điều kiện việc cải cách thể chế bảo hiểm xã hội trì trệ. Trước đây ở Trung Quốc nạn dư thừa lao động và thất nghiệp được che dấu bởi chủ nghĩa bình quân và chế độ bao cấp. Thực hiện cải cách, chuyển đổi kinh tế, những vấn đề này bộc lộ và ngày càng nặng nề. Trung Quốc là nước nghèo, tiến trình cải cách diễn ra không lâu, do đó chế độ bảo hiểm xã hội chưa kiện toàn, chưa có được tác dụng giảm sức ép của nạn thất nghiệp, giảm sự khốc liệt của nạn dư thừa nhân công. Đây là thách thức rất lớn đối với Trung Quốc. Vấn đề bảo hiểm ở Trung Quốc, vẫn là khâu yếu, một mặt do kinh phí không cho phép, mặt khác do hậu quả của thể chế cũ, diện hưởng bảo hiểm quá lớn; mặt khác nữa, diện hưởng bảo hiểm mấy năm gần đây mở rộng, kết quả của cuộc cải cách xí nghiệp Nhà nước. Ba là, các vấn đề đạo đức, văn minh tinh thần, giáo dục, phạm tội, chuyển dịch lao động ... này sinh ra trong tiến trình cải cách, có nguy cơ làm băng hoại cơ sở xã hội, rối loạn đời sống, cũng là những tiêu cực mà Trung Quốc đang phải xử lý.

- Những vấn đề của bản thân cuộc cải cách đòi hỏi giải quyết sâu sắc và triệt để hơn. Điển hình nhất là sự trì trệ của cải cách xí nghiệp Nhà nước. Các xí nghiệp này hiện nay vấp phải ít nhất "5 cái khó" trong chuyển đổi cơ chế kinh doanh: xí nghiệp khó phá sản, công nhân khó cho thôi việc, chính quyền và xí nghiệp khó tách rời, sức sống khó bốc dậy, sức cạnh tranh thị trường khó tăng cường. Hoặc vấn đề chu kỳ kinh tế, lặp đi lặp lại hiện tượng "nói lòng thì loạn, thắt vào thì chết". Trung Quốc đã trải qua nhiều cơn "sốt" về kinh tế, sau đó lại xuất hiện sự tiêu điều. Ví dụ nửa đầu năm 1993 khi tổng sản phẩm trong nước tăng trên 15%, đã xuất hiện tình trạng "4 cao 2 loạn", đó là đầu tư cao, lượng tiền trong lưu thông cao, giá cả cao, nhập khẩu cao, và thị trường tiền tệ hỗn loạn, trật tự thị trường tư liệu sản xuất hỗn loạn.

Nhờ biện pháp thắt chặt tiền tệ, nâng cao lãi suất, các cơn sốt đã giảm dần, nạn lạm phát nhẹ đi, giá cả hạ thấp. Song sau khi nền kinh tế Trung Quốc "tiếp đất an toàn" từ đầu năm 1996, với mức tăng giá cả 6,1%, thì từ cuối năm 1997 đến nay đã có hiện tượng đình trệ. Năm 1997 giá hàng tiêu dùng chỉ tăng 2,8%, năm 1998 lại giảm 0,8% so với năm 1997. Hàng hoá ứ thừa tràn ngập trong các kho khiến Nhà nước phải ngừng sản xuất một số mặt hàng, điều đó một phần do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ châu á đối với hàng xuất khẩu Trung Quốc, một phần do sản xuất trùng lặp, việc sử dụng công cụ tài chính để điều tiết kém tác dụng.

- Những khó khăn vốn có của Trung Quốc càng nổi bật cùng với quá trình hiện đại hoá kinh tế. Đó là những vấn đề nợ tài nguyên, con người, lương thực, điều kiện tự nhiên... Về tài nguyên, tính theo đầu người, Trung Quốc là nước nghèo. Do đó việc tiết kiệm tài nguyên như đất, năng lượng cùng các loại tài nguyên khác là vấn đề rất lớn. Việc hạn chế sinh đẻ theo kế

hoạch của Trung Quốc đã thu được kết quả rõ rệt, song những vấn đề về gia đình và xã hội cũng nảy sinh cùng với việc chỉ cho phép có một con, đồng thời Trung Quốc còn đang đứng trước cửa ải cần vượt qua là vấn đề xã hội bị lão hoá. Trung Quốc là một nước dân đông, đất ít, sản xuất lương thực luôn luôn là vấn đề nóng bỏng vì có liên quan đến sự tồn tại của số dân bằng 1/4 loài người. Vậy mà nông nghiệp Trung Quốc lại chưa phát triển, chưa thoát khỏi cảnh "nhờ trời mới có miếng ăn" do đầu tư vào cơ sở hạ tầng còn ít ỏi, khả năng phòng chống thiên tai còn hạn chế. Theo các nhà khoa học, chất lượng điều kiện tự nhiên của Trung Quốc tương đối thấp, kém ổn định, bởi vì đây là một quốc gia nhiều thiên tai vào loại nhất thế giới. Mỗi năm Trung Quốc bị thiệt hại tới 100 tỷ NDT do thiên tai. Cùng với sự phát triển kinh tế, sự phá hoại của con người đối với môi trường tự nhiên cũng tăng lên. Người ta đã khẳng định, nguyên nhân của nạn lụt lớn năm 1998 không phải chỉ do thiên tai mà còn do nhân họa gây ra.

- Thách thức đi đôi với cơ hội trong giao lưu quốc tế. Xu hướng toàn cầu hoá đang ngày càng rõ rệt, giao lưu và hợp tác kinh tế giữa các nước ngày càng chặt chẽ. Nền kinh tế Trung Quốc đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế thế giới. Thế giới cần Trung Quốc, mà Trung Quốc cũng không thể tách rời thế giới. Nhưng sự nhất thể hoá kinh tế vừa trợ giúp nền kinh tế Trung Quốc phát triển, mà cũng mang lại những khó khăn cho nước này. Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới phát triển mạnh mẽ đang làm thay đổi những ngành nghề truyền thống và phương thức sản xuất truyền thống. Trung Quốc có thể nhờ đó mà phát huy thế mạnh của nước đi sau, tận dụng thành quả khoa học tiên tiến của thế giới, song cũng có thể tụt hậu so với trình độ quốc tế nếu như không vượt qua được sức ép cạnh tranh. Mặt khác nền tài chính tiền tệ thế giới đang ngày càng linh hoạt, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các nước, song cũng có thể mang lại rủi ro cho các nước. Điều này có thể thấy rõ qua những ảnh hưởng bất lợi đó cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ mang lại cho nền kinh tế Trung Quốc hai năm vừa qua, như đầu tư nước ngoài giảm, xuất khẩu sụt, giá từ đồng tiền thực tế bị lung lay ít nhiều . . .

3.2. GIẢI PHÁP

- Kích cầu nuôi cầu trong nước: Việc đẩy nhanh và giữ vững mức tăng trưởng kinh tế là cơ sở cho việc mở rộng các cơ hội việc làm, cải thiện đời sống người dân và duy trì ổn định xã hội, và cũng là điều kiện quan trọng để đẩy mạnh việc điều chỉnh kết cấu và đi sâu cải cách.

- Tăng nhanh phát triển kinh tế nông thôn, nỗ lực nâng cao thu nhập cho người nông dân, phát triển sức sản xuất nông nghiệp, nâng cao sức mua của người nông dân, là khâu quan trọng trong việc nuôi cầu và kích cầu trong nước, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế quốc dân và duy trì ổn định xã hội.

- Tích cực đẩy mạnh điều chỉnh kết cấu kinh tế và cải cách thể chế kinh tế, giải quyết những nhân tố hạn chế sự phát triển kinh tế như mâu thuẫn về kết cấu trong nền kinh tế và chướng ngại về thể chế. Đây là những biện pháp căn bản để duy trì phát triển kinh tế, nâng cao tổ chất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Thích ứng với những tình hình mới sau gia nhập WTO, nâng cao toàn diện mức mở cửa ra bên ngoài: Trung Quốc gia nhập WTO đánh dấu một giai đoạn mới về mở cửa ra bên ngoài. Trung Quốc sẽ tham gia hợp tác và cạnh tranh quốc tế ở phạm vi rộng hơn và sâu hơn.

- Tiếp tục tập trung chinh đốn và quy phạm hóa trật tự kinh tế thị trường: đây là yêu cầu bức thiết của việc kích cầu trong nước, thúc đẩy nền kinh tế phát triển ổn định, là một chọn lựa tất yếu khi gia nhập WTO, và cũng là biện pháp quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN.

- Thực thi chiến lược chấn hưng quốc gia bằng khoa học kỹ thuật và chiến lược phát triển bền vững, tăng cường xây dựng văn minh tinh thần, đẩy mạnh tiến bộ và sáng tạo trong khoa học kỹ thuật. Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống sáng tạo quốc gia. Tăng cường nghiên cứu cơ sở và nghiên cứu những công nghệ mới, hiện đại có ý nghĩa chiến lược, tăng cường năng lực tự chủ sáng tạo, đẩy nhanh việc ứng dụng những thành quả kỹ thuật mới vào thực tiễn.

- Chuyên biến hơn nữa chức năng của chính phủ, tăng cường xây dựng tác phong làm việc: Nhằm thích ứng tình hình mới sau cải cách mở cửa, cần xây dựng một bộ máy liêm khiết, làm việc có hiệu quả. Tập trung làm tốt ba mặt : Đẩy nhanh chuyển biến về chức năng của chính phủ, tăng cường thiết thực việc xây dựng tác phong làm việc, kiên quyết phân đôi xa xỉ lãng phí.

3.3. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ CUỘC CẢI CÁCH - MỞ CỬA CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Như bên trên đã nói, Trung Quốc không phải là nước duy nhất thực hiện cải cách kinh tế, xoá bỏ thể chế kinh tế kế hoạch tập trung cũ, song nước này đã gặt hái được nhiều thành công khiến cho các nước khác phải ngưỡng mộ. . Ngay từ những ngày đầu, cải cách của Trung Quốc đã cải thiện về kinh tế và cuộc sống cho nhân dân, và cho đến nay vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao”. Vì sao lại như vậy, và có thể rút ra được những bài học gì từ “cuộc cách mạng thứ hai” này của người Trung Quốc

1. Cải cách toàn diện, song phải coi cải cách thể chế kinh tế là trọng điểm

Ngay từ đầu, Trung Quốc đã chủ trương cải cách toàn diện. Nhà lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình, người được coi là kiến trúc sư của công cuộc cải cách của Trung Quốc nói:

"Cải cách là toàn diện, bao gồm cải cách thể chế kinh tế, cải cách thể chế chính trị và cải cách các lĩnh vực tương ứng khác". Trung Quốc tuy chủ trương cải cách toàn diện, song khi thực hiện phải có trọng điểm để tập trung sức lực. Trọng điểm chính là cải cách thể chế kinh tế. Sở dĩ Trung Quốc cải cách thành công vì trong khi cải cách tất cả các lĩnh vực, họ đã kiên trì coi cải cách kinh tế làm trọng điểm. Một số quốc gia khác cải cách thất bại, bởi vì cải cách kinh tế chưa có kết quả gì rõ rệt, đã vội vã chuyển trọng điểm sang lĩnh vực khác, làm cho chính trị không ổn định, mà cải cách kinh tế cũng bị buông lỏng, kết quả là cả kinh tế lẫn chính trị đều bị rối loạn.

2. Kiên trì về lựa chọn thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa thay thế cho thể chế kinh tế kế hoạch truyền thống.

Thực hiện cải cách - mở cửa, những người lãnh đạo Trung Quốc đã lựa chọn thể chế kinh tế thị trường, nền kinh tế được thúc đẩy và phồn vinh, được nhân dân tiếp nhận. Quá trình lựa chọn và tiếp nhận thể chế kinh tế thị trường ở Trung Quốc có thể chia làm 4 giai đoạn:

- Từ năm 1979 đến năm 1984 là thời kỳ thể hiện sự quay lại tôn trọng quy - luật giá trị, mở rộng tác dụng của cơ chế thị trường. Các biện pháp cải cách áp dụng đầu tiên ở nông thôn đã khiến nông nghiệp nhanh chóng phục hồi và phát triển, tạo ra sức thuyết phục để đông đảo người dân tiếp nhận cuộc cải cách theo hướng thị trường

- Năm 1984, Hội nghị Trung ương 3 khoá XII xác nhận kinh tế XHCN là kinh tế hàng hoá có kế hoạch. Nhận thức của mọi người đã được nâng lên, hiểu rõ hơn về vấn đề phát triển kinh tế hàng hoá là giai đoạn không thể bỏ qua.

- Năm 1987, Đại hội ĐCS Trung Quốc lần thứ XITI đưa ra mô hình "Nhà nước điều tiết thị trường, thị trường dẫn dắt xí nghiệp" đã làm nổi bật tác dụng của thị trường và có thể coi đó là giai đoạn quá độ từ thuyết kinh tế hàng hoá XHCN sang thuyết kinh tế thị trường XHCN.

3. Kiên trì sách lược cải cách kiểu tiến dần từng bước.

Ngay từ khi mới bắt đầu cải cách, Trung Quốc đã xác định không dùng phương án cải cách kiểu "bùng nổ", mà đã kiên trì phương án "dò đá qua sông", áp dụng phương châm trước dễ sau khó, tiến dần từng bước, giảm bớt rủi ro. Thực tiễn chứng minh cách làm này là phù hợp với Trung Quốc, mang lại kết quả rõ rệt, tránh được những va chạm xã hội lớn và sự phân hoá hai cực quá nhanh như đã xảy ra ở Liên Xô cũ và các nước Đông Âu do thực hiện "liệu pháp sốc" Cải cách kiểu tiến dần phải trả giá nhất định như thời gian cải cách tương đối dài,

tác dụng tiêu cực của thể chế cũ kéo dài, song cuộc cải cách được thúc đẩy trong điều kiện xã hội tương đối ổn định, tuyệt đại đa số nhân dân được hưởng lợi ích của cải cách.

Cải cách theo phương thức tiến dần của Trung Quốc thể hiện ở mấy phương diện quan trọng sau:

- Sau khi cải cách ở nông thôn thu được những kết quả thực tế mới mở rộng ra thành phố, đến năm 1984 cuộc cải cách mới lấy thành phố làm trung tâm.
- Ra sức thúc đẩy sự phát triển kinh tế không thuộc sở hữu Nhà nước, biến nó thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế 20 năm qua; sau đó thực hiện có trọng điểm cuộc cải tổ chiến lược khu vực kinh tế Nhà nước và cải cách các xí nghiệp Nhà nước.
- Trong việc xây dựng hệ thống thị trường, thì trước hết phát triển thị trường hàng hoá tiêu dùng rồi đến hàng hoá tư liệu sản xuất, sau đó mới chú ý phát triển thị trường các yếu tố sản xuất như thị trường vốn, sức lao động, kỹ thuật, thông tin v.v..
- Cải cách giá cả, được coi là mấu chốt, quan hệ đến sự thành bại của toàn bộ cải cách thể chế kinh tế, vì vậy đã được tiến hành rất thận trọng, kết hợp giữa điều chỉnh và thả lỏng, điều chỉnh trước, thả lỏng sau, sau đó mới gắn với giá cả của thị trường quốc tế. Trong nền kinh tế kế hoạch, mọi sản phẩm đều không được thể hiện chính xác giá cả của nó; cuộc cải cách giá trước hết thực hiện thị trường hoá giá cả các hàng hoá hiện vật và các dịch vụ, rồi dần dần thực hiện thị trường hoá giá các yếu tố sản xuất
- Về kế hoạch hoá các khâu sản xuất, lưu thông, giá cả..., thì trước hết cho phép một phần tồn tại ngoài kế hoạch, rồi dần dần mở rộng ra; phần theo kế hoạch thì thu hẹp lại dần. Khi điều kiện đã chín muồi thì thực hiện sự điều tiết của thị trường. Việc từng bước hợp nhất chế độ hai giá của tư liệu sản xuất là ví dụ nổi bật về sự quá độ yên ổn từ thể chế cũ sang thể chế mới một cách tiệm tiến
- Trong mở cửa đối ngoại, mở đầu là xây dựng các đặc khu kinh tế, các thành phố ven biển, sau đó dần dần mở cửa sâu vào nội địa, và đến nay mới hình thành cục diện mở cửa ra mọi hướng, mọi cấp độ.

4. Xử lý đúng đắn quan hệ biện chứng giữa cải cách, phát triển và ổn định.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cải cách của Trung Quốc tương đối thành công là trong tiến trình cải cách đã coi trọng và xử lý đúng đắn quan hệ giữa cải cách, phát triển và ổn định. Kinh nghiệm 30 năm phát triển kinh tế của Trung Quốc cho thấy, muốn xử lý đúng đắn ba mặt trên, người Trung Quốc đã chú trọng mấy điểm sau: Trước hết, phải duy trì được tốc độ phát triển kinh tế thích hợp. Nhiều học giả cho rằng kinh tế Trung Quốc

hiện đang ở giai đoạn cất cánh, cần tăng trưởng với tốc độ cao, nhưng không thể quá cao. Bởi vì hiện nay nền kinh tế của Trung Quốc vẫn theo phương thức tăng trưởng theo chiều rộng là chính, vẫn phải dựa vào đầu tư; nếu đòi hỏi tăng trưởng cao, sẽ xuất hiện cơn sốt đầu tư, lạm phát tăng, vật giá leo thang, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế. Điều đó đã diễn ra vào các năm 1992, 1993. Để hạ sốt, giảm lạm phát, ắt sẽ phải xiết chặt tiền tệ, hạ nhanh tốc độ tăng trưởng, làm cho nền kinh tế bị dao động lớn, gây mất ổn định. Cũng không thể duy trì tốc độ phát triển quá thấp, vì sẽ không có lợi cho vấn đề việc làm, vấn đề thua lỗ của các xí nghiệp Nhà nước, vấn đề thu nhập tài chính. Các học giả Trung Quốc cho rằng tốc độ phát triển kinh tế hàng năm 8 - 9% là thích hợp với đất nước này

Thứ hai, phải giữ cho mức độ tăng hàng năm của vật giá bán lẻ ở mức được 10%. Tình hình Trung Quốc một số năm cho thấy, một khi giá cả tăng trên 10% là nhân dân đã kêu ca, bất bình, là có tới 20% cư dân ở thành phố bị hạ thấp thu nhập, do đó ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nếu giá cả xuống thấp quá cũng không phải là điềm lành, nó chứng tỏ nền kinh tế đã bị ép giảm quá mức độ, hàng hoá đã thừa, sản xuất sút kém, không có lợi cho sự hoạt động bình thường của nền kinh tế và sự linh hoạt của thị trường

Thứ ba, việc thực hiện các biện pháp cải cách cần tính toán đầy đủ đến sự ổn định về tiêu dùng của người dân. Có rất nhiều lĩnh vực cần cải cách có liên quan trực tiếp đến cuộc sống của người dân như vấn đề nhà ở, chữa bệnh, bảo hiểm, dưỡng lão, giáo dục, lao động tiền lương... Thực hiện những cải cách này, đặc biệt là thực hiện dồn dập rất dễ vượt quá sức chịu đựng của người dân, làm cho họ không dám tiêu dùng hoặc tiêu dùng ít, dẫn đến chỗ thị trường tiêu điều, ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ hàng hoá.

Thứ tư, giữ vững chủ trương cùng giàu có, đề phòng và giảm bớt mức chênh lệch quá lớn giữa các cá nhân, các đơn vị, các địa phương. Từ khi cải cách, giữa các tầng lớp dân cư và các địa phương, giữa thành thị và nông thôn đều có hiện tượng chênh lệch thu nhập tăng lên, vấn đề phân phối không công bằng ngày càng bộc lộ và nổi cộm. Chính sách của Chính phủ Trung Quốc luôn luôn theo hướng thu nhỏ khoảng cách chênh lệch. Biện pháp đánh thuế thu nhập, kết nghĩa giữa tỉnh giàu với tỉnh nghèo, trích ngân sách để xoá đói giảm nghèo.... đã có tác dụng tốt trong việc giữ gìn ổn định và xã hội.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa cải cách trong nước với mở cửa ra thế giới.

Trung Quốc coi cải cách và mở cửa là hai mặt của một chỉnh thể. Sự kết hợp giữa hai mặt này là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến thành công của cải cách

Một thời kỳ dài trước đây, Trung Quốc đã thực hiện bế quan toả quốc, hậu quả là không thành công trong việc hiện đại hoá kinh tế, trì trệ lạc hậu kéo dài, không tiếp thu được thành

quả văn minh của loài người, không tận dụng được nguồn vốn bên ngoài, không tham gia được vào sự hợp tác và cạnh tranh quốc tế. Rút bài học cay đắng đó, từ thập kỷ 80 Trung Quốc thay đổi cách nghĩ, nhận thức lại là CNXH phải tiếp thu mọi thành quả văn minh của nhân loại, đặc biệt là của các nước phát triển phương Tây; CNTB là một giai đoạn lịch sử vô cùng quan trọng của tiến trình phát triển lịch sử của loài người, nên văn minh vật chất và văn minh tinh thần mà nó sáng tạo ra trong mấy trăm năm vượt qua tất cả những gì mà loài người đã tạo ra trước đó. Trung Quốc xây dựng CNXH trên cơ sở kinh tế văn hoá lạc hậu, càng phải thực hiện mở cửa, tiếp thu thành quả văn minh của thế giới, do đó không những phải cải tạo thể chế cũ xây dựng thể chế mới, mà còn phải tiếp thu khoa học kỹ thuật tiên tiến và phương pháp quản lý kinh doanh của các nước tư bản phát triển. Trong quá trình đó, Trung Quốc đã có chọn lọc để không tiếp thu những mặt không tốt của các nước này.

Tóm lại, những bài học rút ra từ quá trình cải cách không chỉ giúp ích cho sự phát triển tiếp theo của Trung Quốc trên con đường tiến vào thế kỷ mới mà còn có giá trị tham khảo bổ ích cho các quốc gia đang có hướng phát triển tương tự.